

DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

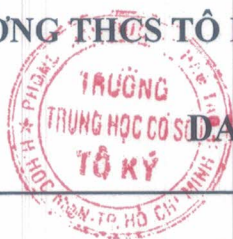
STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
1	HOÀNG ĐỒNG BẢO	AN	8.2	9.1	22/04/2008	Nam
2	HỒNG TRIỆU	AN	8.1	9.13	22/05/2008	Nữ
3	HUỲNH THỊ THÚY	AN	8.5	9.14	22/10/2008	Nữ
4	LÊ NGỌC THÚY	AN	8.6	9.1	25/10/2008	Nữ
5	LÊ PHÚC	AN	8TC2	9TC2	01/05/2008	Nam
6	NGUYỄN HOÀNG KHANG	AN	8.7	9.2	26/08/2008	Nam
7	NGUYỄN NGỌC THÚY	AN	8.3	9.2	25/11/2008	Nữ
8	TÔN NỮ PHƯƠNG	AN	8.15	9.15	27/03/2008	Nữ
9	TRẦN THANH GIA	AN	8.2	9.2	19/09/2008	Nam
10	TRANG QUỐC	AN	8.6	9.3	14/10/2008	Nam
11	VŨ THỊ TÂM	AN	8.15	9.15	07/03/2008	Nữ
12	HUỲNH GIA	ÂN	8TC1	9TC1	05/06/2008	Nữ
13	BUI NGỌC PHƯƠNG	ANH	8.7	9.4	20/05/2008	Nữ
14	ĐẶNG TUẤN	ANH	8.11	9.3	21/10/2007	Nam
15	ĐỖ THỊ TRÂM	ANH	8.4	9.4	15/11/2008	Nữ
16	DƯƠNG NGỌC QUỲNH	ANH	8.6	9.5	16/01/2008	Nữ
17	HÀ HUỲNH	ANH	8.2	9.5	24/12/2008	Nữ
18	HOÀNG TRÂM	ANH	8.2	9.6	08/01/2008	Nữ
19	HUỲNH NGỌC TÚ	ANH	8.9	9.8	24/03/2008	Nữ
20	KHÁU QUỲNH	ANH	8.5	9.7	06/06/2008	Nữ
21	LÂM HOÀNG KIM	ANH	8TC2	9TC2	14/01/2008	Nữ
22	LÊ NGỌC PHƯƠNG	ANH	8.3	9.6	04/09/2008	Nữ
23	LÊ NGỌC THẢO	ANH	8.14	9.7	23/12/2008	Nữ
24	LÊ NGỌC TRÂM	ANH	8.12	9.8	03/12/2008	Nữ
25	LÊ PHẠM MINH	ANH	8.2	9.9	25/06/2008	Nữ
26	LÊ THỊ MỸ	ANH	8.3	9.8	28/02/2008	Nữ
27	LÊ THỊ TRANG	ANH	8.6	9.10	05/05/2008	Nữ
28	LÊ TRẦN BẢO	ANH	8.5	9.11	18/11/2008	Nữ
29	NGUYỄN HÀ	ANH	8.5	9.9	09/06/2008	Nữ
30	NGUYỄN HOÀNG TRÂM	ANH	8.11	9.12	13/01/2008	Nữ
31	NGUYỄN HỒNG HỮU	ANH	8TC2	9TC2	18/01/2008	Nam
32	NGUYỄN KIM	ANH	8.6	9.10	12/09/2008	Nữ
33	NGUYỄN LÊ QUỲNH	ANH	8.13	9.11	10/02/2008	Nữ
34	NGUYỄN MAI NGỌC	ANH	8.8	9.13	17/01/2008	Nữ
35	NGUYỄN NGÔ QUỲNH	ANH	8TC1	9TC1	24/07/2008	Nữ
36	NGUYỄN NGỌC	ANH	8.9	9.14	17/07/2008	Nữ
37	NGUYỄN NGỌC TRÂM	ANH	8.3	9.1	20/05/2008	Nữ
38	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	8.11	9.12	09/10/2007	Nữ
39	NGUYỄN QUỲNH	ANH	8.7	9.2	21/06/2008	Nữ



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
40	NGUYỄN QUỲNH	ANH	8.10	9.3	14/10/2008	Nữ
41	NGUYỄN THẾ	ANH	8.8	9.9	21/08/2008	Nam
42	NGUYỄN THỊ KIỀU	ANH	8.4	9.13	15/06/2008	Nữ
43	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	8.13	9.4	31/10/2008	Nữ
44	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	8.8	9.14	30/06/2008	Nữ
45	PHAN HUỲNH	ANH	8.4	9.5	03/02/2008	Nữ
46	THÁI HOÀNG TRUNG	ANH	8.1	9.2	22/06/2008	Nam
47	THÁI NGỌC	ANH	8.10	9.10	25/06/2008	Nữ
48	TRẦN DIỆP	ANH	8.1	9.3	18/11/2008	Nữ
49	TRẦN KIM	ANH	8TC1	9TC1	12/12/2008	Nữ
50	TRẦN NGỌC QUỲNH	ANH	8.10	9.6	12/11/2008	Nữ
51	TRẦN QUỐC	ANH	8.3	9.11	10/10/2008	Nam
52	TRẦN QUỲNH	ANH	8.15	9.15	18/06/2008	Nữ
53	TRẦN QUỲNH	ANH	8TC2	9TC2	19/07/2008	Nữ
54	VÕ HOÀNG QUỲNH	ANH	8.12	9.12	08/08/2008	Nữ
55	VŨ TRẦN KIM	ANH	8.9	9.7	21/11/2008	Nữ
56	VŨ TUẤN	ANH	8.15	9.15	21/02/2008	Nam
57	NGÔ THỊ HỒNG	ÁNH	8.5	9.13	11/01/2008	Nữ
58	NGUYỄN TRẦN MINH	ÁNH	8.6	9.14	07/01/2008	Nữ
59	NGUYỄN VĂN	BẮC	8.3	9.8	09/03/2008	Nam
60	BÙI GIA	BẢO	8.14	9.9	05/12/2008	Nam
61	ĐINH GIA	BẢO	8.9	9.4	18/05/2008	Nam
62	ĐOÀN KIM GIA	BẢO	8.10	9.5	19/09/2008	Nam
63	DƯƠNG GIA	BẢO	8.12	9.6	18/08/2008	Nam
64	HỨA VĂN GIA	BẢO	8.1	9.10	09/11/2008	Nam
65	LÊ TÀI GIA	BẢO	8.15	9.15	23/10/2008	Nam
66	NGUYỄN HOÀI	BẢO	8.13	9.11	16/11/2008	Nam
67	NGUYỄN HOÀNG TÂN	BẢO	8.11	9.7	27/10/2008	Nam
68	NGUYỄN PHẠM GIA	BẢO	8.12	9.12	30/09/2008	Nam
69	NGUYỄN PHAN GIA	BẢO	8.15	9.15	06/08/2008	Nam
70	NGUYỄN QUỐC	BẢO	8.7	9.8	09/06/2008	Nam
71	PHẠM HOÀNG GIA	BẢO	8.2	9.13	14/01/2008	Nam
72	TRẦN THẾ	BẢO	8TC2	9TC2	11/11/2008	Nam
73	TRƯƠNG QUỐC	BẢO	8.11	9.14	24/05/2008	Nam
74	ĐỖ SĨ	BEN	8.7	9.1	01/08/2007	Nam
75	MAI XUÂN	BÌNH	8.4	9.2	13/05/2008	Nam
76	NGUYỄN THANH	BÌNH	8.5	9.1	27/10/2008	Nam
77	YÊN BỐI	BỐI	8.8	9.3	10/09/2008	Nữ
78	LÊ NGỌC HUỲNH	CHÂU	8TC2	9TC2	21/06/2008	Nữ

TRƯỜNG THCS TÔ KÝ



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
79	NGUYỄN NGỌC	CHÂU	8TC2	9TC2	22/10/2008	Nữ
80	NGUYỄN THÁI	CHÂU	8.6	9.9	16/07/2008	Nữ
81	TRẦN BẢO	CHÂU	8.2	9.10	28/03/2008	Nữ
82	TRẦN NGỌC	CHÂU	8TC2	9TC2	29/06/2008	Nữ
83	LÊ THỊ KIM	CHI	8.7	9.2	01/06/2008	Nữ
84	HOÀNG HỮU	CÔNG	8.9	9.4	14/09/2007	Nam
85	NGUYỄN HỮU THÀNH	CÔNG	8.13	9.11	16/09/2008	Nam
86	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	8.14	9.5	16/11/2008	Nam
87	NGUYỄN THANH	CƯỜNG	8.1	9.12	28/02/2008	Nam
88	NGUYỄN NGỌC LINH	ĐAN	8TC2	9TC2	15/09/2008	Nữ
89	VŨ NGUYỄN TÂM	ĐAN	8.14	9.13	14/11/2008	Nữ
90	HUỖNH MINH	ĐĂNG	8TC1	9TC1	26/09/2008	Nam
91	LIÊN MINH	ĐĂNG	8.6	9.14	27/09/2008	Nam
92	NGÔ HẢI	ĐĂNG	8.5	9.1	27/07/2008	Nam
93	PHAN NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	8.4	9.3	12/06/2008	Nam
94	TRẦN HẢI	ĐĂNG	8.6	9.4	17/06/2008	Nam
95	TRƯƠNG HOÀNG KHÁNH	ĐĂNG	8.15	9.15	31/05/2008	Nam
96	ĐINH THÀNH	DANH	8.3	9.2	13/04/2008	Nam
97	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	8.15	9.15	15/06/2008	Nữ
98	NGUYỄN THỊ MINH	ĐÀO	8.1	9.7	08/04/2008	Nữ
99	NGUYỄN THỊ TRÚC	ĐÀO	8.1	9.5	07/01/2008	Nữ
100	PHAN THANH	ĐÀO	8.2	9.8	25/02/2008	Nữ
101	HUỖNH PHÁT	ĐẠT	8.5	9.9	11/11/2007	Nam
102	MAI NGUYỄN TRỌNG	ĐẠT	8TC1	9TC1	22/12/2008	Nam
103	NGUYỄN KÍNH THÀNH	ĐẠT	8.2	9.3	04/04/2008	Nam
104	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	8.3	9.4	15/06/2008	Nam
105	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	8.14	9.10	03/10/2007	Nam
106	PHAN NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	8.3	9.6	05/01/2008	Nam
107	TRẦN GIA	DI	8.8	9.7	24/04/2008	Nữ
108	PHẠM THỊ NGỌC	DIỆP	8.9	9.8	17/08/2008	Nữ
109	TRẦN NGỌC	DIỆP	8.4	9.5	29/07/2008	Nữ
110	VŨ NGỌC	DIỆU	8.10	9.6	27/11/2008	Nữ
111	ĐẶNG HOÀNG	ĐÔNG	8.7	9.7	07/01/2008	Nam
112	LÊ TRẠCH	ĐÔNG	8.3	9.11	13/11/2008	Nam
113	NGUYỄN HOÀNG	ĐÔNG	8.10	9.12	11/03/2007	Nam
114	NGUYỄN QUANG	ĐÔNG	8.2	9.13	25/08/2008	Nam
115	VŨ MẠNH	DU	8.5	9.8	26/07/2008	Nam
116	ĐỖ ANH	ĐỨC	8TC1	9TC1	07/07/2008	Nam
117	PHẠM HUY	ĐỨC	8.7	9.9	29/12/2008	Nam



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
118	NGUYỄN THÁI THU	DUNG	8.8	9.9	23/01/2008	Nữ
119	PHẠM HUỲNH THỦY	DUNG	8.7	9.14	06/07/2008	Nữ
120	TRẦN HOÀNG	DUNG	8.6	9.10	16/02/2008	Nữ
121	ĐẶNG HOÀNG	DỮNG	8.10	9.11	28/10/2008	Nam
122	NGUYỄN VIỆT	DỮNG	8.9	9.12	18/09/2007	Nam
123	TRẦN ĐÌNH	DỮNG	8TC2	9TC2	16/11/2008	Nam
124	LƯU ÁNH	DƯƠNG	8TC2	9TC2	13/10/2008	Nữ
125	NGUYỄN THỦY	DƯƠNG	8.14	9.13	05/07/2008	Nữ
126	TRẦN VÕ ÁNH	DƯƠNG	8.13	9.14	05/08/2008	Nữ
127	ĐÀO	DUY	8.11	9.1	28/07/2008	Nam
128	LÊ CAO QUỐC	DUY	8.12	9.2	02/11/2008	Nam
129	LÊ NGUYỄN BẢO	DUY	8.11	9.10	29/08/2008	Nam
130	LÊ QUỐC	DUY	8.11	9.3	24/06/2008	Nam
131	NGUYỄN HỒNG ANH	DUY	8TC2	9TC2	10/01/2008	Nam
132	NGUYỄN KHÁNH	DUY	8.15	9.15	20/12/2008	Nam
133	NGUYỄN VÕ ĐỨC	DUY	8.12	9.4	02/06/2008	Nam
134	TRƯƠNG NHẬT	DUY	8.15	9.15	31/01/2008	Nam
135	VŨ TRẦN HẢI	DUY	8.13	9.5	28/03/2007	Nam
136	HUỲNH THỊ NGỌC	DUYÊN	8.12	9.11	06/07/2008	Nữ
137	VÕ LÊ HƯƠNG	DUYÊN	8.13	9.1	17/07/2008	Nữ
138	NGUYỄN THỊ TRÚC	EM	8.8	9.2	16/09/2008	Nữ
139	TRẦN GIA	GIA	8.8	9.12	21/03/2008	Nam
140	TRẦN THỊ HUỲNH	GIAO	8.9	9.6	11/05/2008	Nữ
141	TRƯƠNG HUỲNH	GIAO	8.15	9.15	04/02/2008	Nữ
142	ĐỖ THÁI	HÀ	8.10	9.13	02/05/2008	Nữ
143	HUỲNH THỊ THU	HÀ	8.9	9.14	03/04/2008	Nữ
144	KIỀU NGUYỄN NGỌC	HÀ	8.11	9.1	07/02/2008	Nữ
145	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÀ	8.10	9.3	25/01/2008	Nữ
146	HUỲNH LÊ AN	HẠ	8.12	9.4	18/11/2008	Nữ
147	BÙI HOÀNG	HẢI	8TC2	9TC2	04/11/2008	Nam
148	HÀ HOÀNG	HẢI	8TC1	9TC1	05/11/2008	Nữ
149	HUỲNH HOÀNG	HẢI	8.11	9.2	11/09/2008	Nam
150	NGUYỄN THỊ	HẢI	8.12	9.3	06/02/2008	Nữ
151	PHẠM HOÀNG	HẢI	8.13	9.5	14/12/2008	Nam
152	CAO NGỌC GIA	HÂN	8.3	9.6	24/11/2008	Nữ
153	HỒ THỊ KHÁ	HÂN	8.7	9.4	24/03/2008	Nữ
154	HOÀNG GIA	HÂN	8.12	9.5	04/05/2008	Nữ
155	HUỲNH BẢO	HÂN	8.11	9.6	10/12/2008	Nữ
156	LẠI DƯƠNG NGỌC	HÂN	8.10	9.7	25/09/2008	Nữ



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
157	LÂM THỊ NGỌC	HÂN	8.4	9.8	20/11/2008	Nữ
158	LÊ BẢO	HÂN	8.8	9.9	09/10/2008	Nữ
159	LÊ KHẢ	HÂN	8.4	9.10	05/08/2008	Nữ
160	LÊ NGỌC	HÂN	8.3	9.11	17/01/2008	Nữ
161	LÊ NGỌC	HÂN	8.15	9.15	23/06/2008	Nữ
162	NGUYỄN DƯƠNG GIA	HÂN	8.14	9.7	16/10/2008	Nữ
163	NGUYỄN HỒNG	HÂN	8.2	9.7	08/08/2008	Nữ
164	NGUYỄN PHƯƠNG HIẾU	HÂN	8.5	9.8	31/08/2008	Nữ
165	VÕ GIA	HÂN	8.1	9.9	10/09/2008	Nữ
166	VŨ HỒNG NGỌC	HÂN	8.6	9.12	20/05/2008	Nữ
167	HUỲNH NGUYỄN MINH	HĂNG	8.2	9.13	21/01/2008	Nữ
168	LÊ NGUYỄN THU	HĂNG	8.1	9.14	23/03/2008	Nữ
169	ĐÀM THẾ	HÀO	8.14	9.1	06/09/2008	Nam
170	NGUYỄN TRUNG ANH	HÀO	8.6	9.10	17/04/2008	Nam
171	PHẠM NHẬT	HÀO	8.13	9.11	09/01/2008	Nam
172	PHAN ĐỖ QUỐC	HÀO	8.13	9.8	25/08/2007	Nam
173	ĐÀM PHÚC	HẬU	8.5	9.12	21/10/2008	Nam
174	NGUYỄN TRUNG	HẬU	8.6	9.2	11/11/2008	Nam
175	HỒ THỊ	HIỀN	8.9	9.13	01/03/2008	Nữ
176	NGUYỄN CAO MINH	HIỀN	8.8	9.9	10/02/2007	Nữ
177	NGUYỄN MẠNH	HIỀN	8.13	9.3	13/04/2008	Nam
178	HÀ HUY	HIỆP	8.7	9.10	30/07/2008	Nam
179	TỔNG NGỌC HOÀNG	HIỆP	8.10	9.11	09/03/2008	Nam
180	ĐỖ HOÀNG	HIẾU	8.11	9.14	03/02/2008	Nam
181	ĐỖ LÂM MINH	HIẾU	8.13	9.1	05/04/2008	Nam
182	LÊ NGỌC	HIẾU	8TC1	9TC1	18/02/2008	Nữ
183	NGÂN TRUNG	HIẾU	8.9	9.12	31/05/2008	Nam
184	NGUYỄN LÊ	HIẾU	8.12	9.2	11/06/2008	Nam
185	NGUYỄN MINH	HIẾU	8.8	9.13	16/02/2007	Nam
186	PHẠM TRUNG	HIẾU	8.14	9.4	07/07/2008	Nam
187	NGUYỄN THỊ	HÒA	8.1	9.5	27/03/2008	Nữ
188	VŨ XUÂN	HÒA	8.14	9.3	25/05/2008	Nam
189	BÙI VŨ HUY	HOÀNG	8.11	9.4	24/09/2008	Nam
190	HUỲNH NGÔ	HOÀNG	8.2	9.5	10/02/2008	Nam
191	NGUYỄN HUY	HOÀNG	8.4	9.6	05/11/2008	Nam
192	NGUYỄN HUY	HOÀNG	8.4	9.6	26/02/2008	Nam
193	NGUYỄN MINH	HOÀNG	8.1	9.7	28/09/2008	Nam
194	NGUYỄN THANH KIM	HOÀNG	8.2	9.14	28/05/2008	Nam
195	PHẠM MINH	HOÀNG	8.3	9.8	09/01/2008	Nam



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
196	ĐỐC KHÁNH	HÙNG	8.12	9.7	18/07/2008	Nam
197	HÀ ĐÌNH	HÙNG	8.5	9.8	26/08/2008	Nam
198	NGUYỄN MINH	HÙNG	8TC2	9TC2	12/12/2008	Nam
199	NGUYỄN TẤN	HÙNG	8.5	9.9	17/05/2008	Nam
200	CHU TẤN	HÙNG	8.9	9.10	10/03/2008	Nam
201	ĐÀM VĨNH	HÙNG	8TC2	9TC2	14/10/2008	Nam
202	LÝ NGUYỄN QUỐC	HÙNG	8.13	9.1	02/10/2008	Nam
203	NGUYỄN HOÀNG GIA	HÙNG	8.1	9.9	06/01/2008	Nam
204	VÕ TẤN	HÙNG	8.14	9.10	15/10/2008	Nam
205	PHAN LÊ QUỲNH	HƯƠNG	8.3	9.11	29/09/2008	Nữ
206	TRẦN NGUYỄN MINH	HƯƠNG	8TC1	9TC1	26/03/2008	Nữ
207	TRẦN VŨ TUYẾT	HƯƠNG	8.2	9.12	10/08/2008	Nữ
208	CAO GIA	HUY	8.6	9.2	19/06/2008	Nam
209	ĐẶNG QUỐC	HUY	8.8	9.13	18/03/2008	Nam
210	ĐỖ NGỌC GIA	HUY	8.13	9.1	04/10/2008	Nam
211	HỒ GIA	HUY	8.10	9.14	29/09/2008	Nam
212	HUỲNH TẤN	HUY	8.7	9.1	11/10/2008	Nam
213	LƯƠNG GIA	HUY	8.1	9.3	02/12/2008	Nam
214	NGUYỄN LÊ GIA	HUY	8.9	9.4	26/08/2008	Nam
215	NGUYỄN LÊ GIA	HUY	8.12	9.11	30/11/2008	Nam
216	NGUYỄN NHẬT	HUY	8.11	9.12	11/08/2008	Nam
217	PHẠM GIA	HUY	8.7	9.13	15/12/2008	Nam
218	TRẦN GIA	HUY	8.3	9.2	04/06/2008	Nam
219	TRẦN PHẠM QUANG	HUY	8TC1	9TC1	07/04/2008	Nam
220	TRỊNH GIA	HUY	8TC2	9TC2	14/12/2008	Nam
221	VÕ GIA	HUY	8.2	9.5	30/09/2008	Nam
222	HUỲNH NGUYỄN THANH	HUYỀN	8.15	9.15	09/11/2008	Nữ
223	NGÔ HUỲNH NHƯỘC	HY	8.4	9.6	25/03/2007	Nam
224	NGUYỄN HỮU BẢO	KHA	8.15	9.15	24/10/2008	Nam
225	NGUYỄN NAM	KHA	8.11	9.7	18/05/2008	Nam
226	LÌU ĐỨC	KHẢ	8.14	9.3	14/03/2008	Nam
227	TRẦN QUANG	KHẢI	8.1	9.14	19/02/2008	Nam
228	ĐẶNG PHÚC	KHANG	8.14	9.4	20/08/2008	Nam
229	LƯƠNG TUẤN	KHANG	8.8	9.8	29/11/2008	Nam
230	NGUYỄN ĐÌNH	KHANG	8.3	9.5	10/09/2008	Nam
231	NGUYỄN THẾ	KHANG	8.10	9.9	19/08/2008	Nam
232	NGUYỄN TUẤN	KHANG	8.2	9.1	26/03/2008	Nam
233	THÁI VĨNH	KHANG	8.3	9.2	05/08/2008	Nam
234	THAN MINH	KHANG	8.4	9.3	21/01/2008	Nam

TRƯỜNG THCS TÔ KÝ



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
235	TRẦN BẢO	KHANG	8.4	9.4	27/09/2008	Nam
236	TRẦN DUY	KHANG	8.1	9.6	21/01/2008	Nam
237	TRẦN GIA	KHANG	8.2	9.7	09/11/2008	Nam
238	TRẦN TUẤN	KHANG	8.15	9.15	05/09/2008	Nam
239	VÕ TRẦN MINH	KHANG	8.13	9.8	23/10/2008	Nam
240	LÊ THẢO	KHANH	8TC2	9TC2	01/07/2008	Nữ
241	LƯU TUẤN	KHANH	8.5	9.10	25/05/2008	Nam
242	NGUYỄN KIỀU	KHANH	8.5	9.5	04/11/2008	Nữ
243	TRẦN QUỐC	KHÁNH	8.6	9.6	23/10/2008	Nam
244	BÙI THIÊN	KHOA	8.6	9.9	04/03/2008	Nam
245	ĐẶNG ANH	KHOA	8.15	9.15	09/04/2008	Nam
246	HUỖNH ĐĂNG	KHOA	8.11	9.11	28/03/2008	Nam
247	LÊ HUỖNH ANH	KHOA	8.7	9.7	17/07/2008	Nam
248	LÊ XUÂN	KHOA	8TC2	9TC2	12/07/2008	Nam
249	NGUYỄN ANH	KHOA	8.7	9.10	18/09/2008	Nam
250	NGUYỄN LÝ ĐĂNG	KHOA	8.12	9.12	15/11/2008	Nam
251	TRẦN ANH	KHOA	8.15	9.15	11/02/2008	Nam
252	VÕ ĐĂNG	KHOA	8.8	9.8	09/08/2008	Nam
253	BÙI ĐĂNG	KHÔI	8.9	9.9	22/01/2008	Nam
254	LÊ ANH	KHÔI	8.10	9.10	05/11/2008	Nam
255	LÊ HUỖNH ANH	KHÔI	8.9	9.13	05/06/2008	Nam
256	LÊ MINH	KHÔI	8.10	9.11	01/09/2008	Nam
257	THÁI MINH	KHÔI	8.13	9.11	17/12/2008	Nam
258	VÕ LÊ ANH	KHÔI	8.8	9.12	18/04/2008	Nam
259	NGUYỄN HUỖNH MẠNH	KHƯƠNG	8TC1	9TC1	16/04/2008	Nữ
260	NGUYỄN LÊ NHẬT	KHƯƠNG	8.11	9.12	27/12/2008	Nam
261	CHÂU GIA	KIỆT	8.4	9.4	05/05/2008	Nam
262	ĐẶNG TRẦN ANH	KIỆT	8.15	9.15	06/09/2008	Nam
263	ĐẶNG TUẤN	KIỆT	8.10	9.13	25/09/2008	Nam
264	HUỖNH ANH	KIỆT	8.5	9.14	26/02/2008	Nam
265	HUỖNH ANH	KIỆT	8.6	9.14	29/05/2007	Nam
266	LÊ TUẤN	KIỆT	8.15	9.15	09/05/2008	Nam
267	NGÔ TUẤN	KIỆT	8.5	9.1	19/12/2007	Nam
268	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	8.6	9.1	03/08/2008	Nam
269	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	8.7	9.2	17/06/2008	Nam
270	PHAN HỒNG TUẤN	KIỆT	8.8	9.3	05/10/2008	Nam
271	TRẦN GIA	KIỆT	8.9	9.13	23/06/2008	Nam
272	LÊ NGỌC HOÀNG	KIM	8.7	9.4	06/06/2008	Nữ
273	LÊ NGỌC THIÊN	KIM	8.12	9.14	25/06/2008	Nữ



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
274	LÊ THIÊN	KIM	8.11	9.5	18/01/2008	Nữ
275	NGUYỄN ÁI NGỌC	KIM	8.12	9.1	04/07/2008	Nữ
276	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	KIM	8.10	9.6	26/11/2008	Nữ
277	TRẦN DUY	LẠC	8.11	9.2	10/02/2008	Nam
278	HUỖNH TRÚC	LAM	8TC1	9TC1	24/06/2008	Nữ
279	LÝ HỒNG	LAM	8TC1	9TC1	17/12/2008	Nữ
280	HỒ TRÚC	LÂM	8TC1	9TC1	10/02/2008	Nữ
281	LƯU ĐĂNG TRƯỜNG	LÂM	8.12	9.7	20/08/2008	Nam
282	NGUYỄN HOÀNG	LÂM	8.13	9.3	09/06/2008	Nam
283	NGUYỄN THỊ THÙY	LÂM	8.14	9.4	27/10/2008	Nữ
284	NGUYỄN TÙNG	LÂM	8.2	9.8	01/10/2008	Nam
285	PHẠM THIÊN	LÂM	8.6	9.9	05/07/2007	Nam
286	BÙI PHẠM HOÀNG	LAN	8.1	9.10	27/11/2008	Nữ
287	LÊ HOÀNG	LAN	8.14	9.2	18/03/2008	Nữ
288	LÊ THỊ THANH	LAN	8.13	9.11	14/12/2008	Nữ
289	NGUYỄN QUAN	LIÊM	8.1	9.12	03/04/2008	Nam
290	BÙI PHẠM PHƯƠNG	LINH	8TC2	9TC2	14/07/2008	Nữ
291	ĐỖ TRẦN HOÀNG	LINH	8.4	9.3	09/10/2008	Nam
292	HUỖNH ĐỒNG MỸ	LINH	8.5	9.13	18/08/2008	Nữ
293	LÊ DUY THẢO	LINH	8.6	9.14	05/05/2008	Nữ
294	LÊ VĂN	LINH	8.4	9.5	15/12/2008	Nam
295	NGUYỄN HÀ	LINH	8.6	9.6	16/07/2008	Nữ
296	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	LINH	8.2	9.1	01/04/2008	Nữ
297	NGUYỄN KIỀU ÁNH	LINH	8.3	9.2	16/09/2008	Nữ
298	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	8.7	9.7	13/11/2008	Nữ
299	TẠ HOÀNG	LINH	8.5	9.8	08/04/2008	Nữ
300	NGUYỄN HOÀN BẢO	LỘC	8.2	9.4	21/08/2008	Nam
301	PHẠM LÊ HỮU	LỘC	8.8	9.5	05/02/2008	Nam
302	LÊ HOÀNG	LONG	8.8	9.3	12/08/2008	Nam
303	LÊ QUANG HOÀNG	LONG	8.10	9.9	14/10/2008	Nam
304	NGÔ HOÀNG	LONG	8.9	9.10	25/11/2008	Nam
305	NGUYỄN PHI	LONG	8TC1	9TC1	25/09/2008	Nam
306	TẠ THANH	LONG	8.14	9.6	07/01/2008	Nam
307	TRƯƠNG NAM	LONG	8.7	9.4	24/10/2008	Nam
308	VÕ THÀNH	LONG	8.11	9.5	08/04/2008	Nam
309	TRẦN THANH	LUÂN	8.12	9.6	08/04/2008	Nam
310	PHẠM NGỌC	LUẬT	8.9	9.11	07/10/2008	Nam
311	PHƯƠNG THỊ	LƯỢM	8.13	9.7	17/03/2008	Nữ
312	NGUYỄN THỊ HỒNG	LỰU	8.10	9.12	10/04/2008	Nữ



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
313	ĐỖ KHÁNH	LY	8.14	9.8	02/02/2008	Nữ
314	LÊ THỊ YẾN	LY	8.15	9.15	11/09/2006	Nữ
315	NGÔ THỊ DIỆU	LY	8.11	9.13	06/12/2008	Nữ
316	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	8.3	9.7	22/06/2008	Nữ
317	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	8.12	9.14	20/09/2008	Nữ
318	NGUYỄN TRẦN NGUYỆT	MÃN	8.5	9.8	05/09/2008	Nữ
319	TRẦN QUỐC	MẠNH	8.1	9.9	09/09/2008	Nam
320	HUỖNH THẨM	MI	8.13	9.10	03/08/2008	Nữ
321	NGUYỄN HỒNG DIỄM	MI	8.14	9.1	28/05/2008	Nữ
322	AN NGUYỄN TRƯỜNG	MINH	8TC1	9TC1	05/06/2008	Nam
323	CAO NHẬT	MINH	8.4	9.11	30/03/2008	Nam
324	CAO THÁI	MINH	8.2	9.2	15/08/2008	Nam
325	ĐẶNG HẢI	MINH	8TC2	9TC2	21/05/2008	Nam
326	HUỖNH QUANG	MINH	8.2	9.12	14/02/2008	Nam
327	LÊ ĐỒNG CÔNG	MINH	8.4	9.3	29/05/2008	Nam
328	NGUYỄN GIA	MINH	8.6	9.13	27/01/2008	Nam
329	NGUYỄN NGỌC	MINH	8.1	9.4	07/02/2008	Nam
330	NGUYỄN NHẬT	MINH	8.3	9.9	12/03/2008	Nam
331	PHAN HÙNG	MINH	8.3	9.5	09/08/2008	Nam
332	TRẦN ANH	MINH	8.5	9.14	19/04/2008	Nam
333	TRẦN QUỐC	MINH	8.4	9.5	05/11/2008	Nam
334	VÕ NGUYỄN ANH	MINH	8.8	9.1	15/08/2008	Nam
335	VŨ DUY TUẤN	MINH	8.7	9.2	13/04/2008	Nam
336	VŨ NHẬT QUANG	MINH	8.15	9.15	22/06/2008	Nam
337	ĐOÀN NGỌC HÀ	MY	8.11	9.3	28/11/2008	Nữ
338	HÀ NGUYỄN THẢO	MY	8.9	9.4	26/02/2008	Nữ
339	KIỆNG NGUYỄN HẢI	MY	8.12	9.5	03/10/2008	Nữ
340	LÊ NGUYỄN KIỀU	MY	8.5	9.6	08/10/2008	Nữ
341	LÊ NGUYỄN TRÀ	MY	8.15	9.15	02/10/2008	Nữ
342	NGUYỄN HOÀNG THẢO	MY	8.10	9.10	21/09/2008	Nữ
343	VŨ THỊ TRÀ	MY	8.6	9.7	10/09/2008	Nữ
344	VŨ THỊ TRÀ	MY	8.5	9.11	31/07/2007	Nữ
345	BÙI ĐẶNG	NAM	8.8	9.6	30/10/2008	Nam
346	BÙI THIÊN	NAM	8TC1	9TC1	05/06/2008	Nam
347	HỒ VĂN NHẬT	NAM	8TC2	9TC2	09/06/2008	Nam
348	PHẠM BẢO	NAM	8TC2	9TC2	26/09/2008	Nam
349	PHẠM HOÀI	NAM	8.7	9.8	21/08/2008	Nam
350	PHẠM HUY	NAM	8.14	9.7	09/01/2008	Nam
351	TRẦN ĐÌNH PHƯƠNG	NAM	8.1	9.8	14/10/2008	Nam



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
352	TRẦN HOÀNG	NAM	8.9	9.9	06/09/2008	Nam
353	TRƯƠNG HOÀI	NAM	8.13	9.9	06/07/2008	Nam
354	PHAN THỊ NGỌC	NGA	8.11	9.10	08/07/2008	Nữ
355	VÕ NGUYỄN THU	NGA	8.2	9.12	18/06/2008	Nữ
356	HÀ NGUYỄN THU	NGÂN	8.4	9.13	07/12/2008	Nữ
357	HUỖNH KIM	NGÂN	8.13	9.11	19/11/2008	Nữ
358	LÊ KIM	NGÂN	8.5	9.12	03/11/2008	Nữ
359	NGUYỄN THỊ THÚY	NGÂN	8.3	9.14	04/11/2008	Nữ
360	VĂN LÊ KIM	NGÂN	8.12	9.10	20/12/2008	Nữ
361	HÀ XUÂN	NGHI	8.14	9.11	06/01/2008	Nữ
362	NGUYỄN BẢO	NGHI	8.7	9.14	20/10/2008	Nữ
363	NGUYỄN BẢO	NGHI	8TC1	9TC1	11/01/2008	Nữ
364	DƯƠNG TRỌNG	NGHĨA	8.8	9.1	11/01/2008	Nam
365	TRẦN ĐÌNH	NGHĨA	8.8	9.2	01/08/2008	Nam
366	VÕ THÀNH	NGHĨA	8.7	9.1	02/11/2007	Nam
367	VŨ TRỌNG	NGHĨA	8TC2	9TC2	31/08/2008	Nam
368	BÙI BẢO	NGỌC	8.15	9.15	02/09/2008	Nữ
369	HỒ THỊ HỒNG	NGỌC	8TC2	9TC2	10/02/2008	Nữ
370	HUỖNH MINH	NGỌC	8.4	9.12	02/05/2008	Nữ
371	LÂM HOÀNG	NGỌC	8.10	9.2	19/01/2008	Nam
372	LÊ HUỖNH NHƯ	NGỌC	8.13	9.3	20/05/2008	Nữ
373	LÊ THỊ BÍCH	NGỌC	8.9	9.3	31/12/2008	Nữ
374	LƯƠNG THỊ MỸ	NGỌC	8.9	9.4	20/03/2008	Nữ
375	NGUYỄN BẢO	NGỌC	8.12	9.4	14/05/2008	Nữ
376	NGUYỄN HUỖNH BẢO	NGỌC	8.14	9.13	03/10/2008	Nữ
377	NGUYỄN LÊ BẢO	NGỌC	8.5	9.5	13/07/2008	Nữ
378	NGUYỄN PHƯƠNG	NGỌC	8.12	9.14	14/05/2008	Nữ
379	NGUYỄN THẾ	NGỌC	8.3	9.1	21/02/2008	Nam
380	PHAN ĐÌNH BẢO	NGỌC	8.15	9.15	09/02/2008	Nữ
381	TRẦN ÁNH	NGỌC	8.6	9.2	01/01/2008	Nữ
382	TRẦN BÍCH	NGỌC	8TC2	9TC2	03/08/2008	Nữ
383	TRẦN NGUYỄN THANH	NGỌC	8.10	9.5	09/07/2008	Nữ
384	VÕ HỒ BẢO	NGỌC	8.1	9.6	12/02/2008	Nữ
385	VŨ MINH HỒNG	NGỌC	8.2	9.3	29/07/2008	Nữ
386	CAO THANH	NGUYỄN	8.8	9.4	30/11/2008	Nam
387	ĐẶNG LÊ PHƯƠNG	NGUYỄN	8TC1	9TC1	03/11/2008	Nữ
388	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYỄN	8.2	9.7	20/08/2008	Nữ
389	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYỄN	8TC2	9TC2	21/10/2008	Nữ
390	PHAN LÊ THẢO	NGUYỄN	8.7	9.5	14/10/2008	Nữ

TRƯỜNG THCS TÔ KÝ

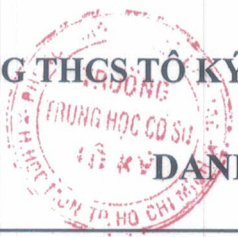


DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
391	TRƯƠNG THỊ KIM	NGUYỄN	8.15	9.15	10/02/2008	Nữ
392	ĐOÀN TRÍ	NGUYỄN	8.3	9.8	26/02/2008	Nam
393	NGUYỄN THANH	NHÂN	8.9	9.9	05/11/2008	Nữ
394	BÙI ĐỨC	NHÂN	8.10	9.6	08/11/2008	Nam
395	ĐÀO THIÊN	NHÂN	8.12	9.7	03/10/2008	Nam
396	HÀ TRUNG	NHÂN	8.4	9.6	26/04/2008	Nam
397	NGUYỄN THIÊN	NHÂN	8.11	9.8	26/07/2008	Nam
398	TRẦN TRỌNG	NHÂN	8.5	9.10	21/11/2008	Nam
399	HOÀNG MINH	NHẬT	8.7	9.11	14/09/2008	Nam
400	NGUYỄN HUỖNH MINH	NHẬT	8.13	9.12	11/07/2008	Nam
401	NGUYỄN LONG	NHẬT	8.6	9.13	25/12/2008	Nam
402	NGUYỄN MINH	NHẬT	8.12	9.7	29/03/2008	Nam
403	PHẠM HỮU MINH	NHẬT	8.9	9.14	26/06/2008	Nam
404	TRẦN MINH	NHẬT	8.8	9.9	06/08/2008	Nam
405	CAO YẾN	NHI	8.10	9.1	16/04/2008	Nữ
406	HOÀNG GIA	NHI	8.1	9.10	24/09/2008	Nữ
407	HUỖNH HOÀNG PHƯƠNG	NHI	8.15	9.15	13/06/2008	Nữ
408	LÊ THỊ NGỌC	NHI	8.11	9.2	01/12/2007	Nữ
409	NGUYỄN HOÀNG YẾN	NHI	8.14	9.3	03/06/2008	Nữ
410	NGUYỄN LÊ UYÊN	NHI	8.3	9.11	27/01/2008	Nữ
411	NGUYỄN NGÂN THẢO	NHI	8.2	9.12	12/11/2008	Nữ
412	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	8.14	9.4	24/09/2008	Nữ
413	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	8.4	9.13	17/07/2008	Nữ
414	PHẠM TUYẾT	NHI	8.15	9.15	29/12/2008	Nữ
415	TRẦN NGỌC BẢO	NHI	8.13	9.5	15/04/2008	Nữ
416	VÕ MẶN	NHI	8.5	9.14	03/10/2008	Nữ
417	VŨ NGỌC PHƯƠNG	NHI	8.12	9.6	23/09/2008	Nữ
418	BÙI THỊ QUỲNH	NHƯ	8.2	9.7	10/12/2008	Nữ
419	ĐỖ THỊ KHÁNH	NHƯ	8.5	9.1	27/07/2008	Nữ
420	HỒ QUỲNH	NHƯ	8.6	9.8	27/01/2008	Nữ
421	KIỀU YẾN	NHƯ	8.14	9.9	19/04/2008	Nữ
422	LÂM TÂM	NHƯ	8.15	9.15	11/02/2008	Nữ
423	LÊ QUỲNH	NHƯ	8.3	9.10	30/12/2008	Nữ
424	LÊ THỊ TÂM	NHƯ	8.4	9.11	01/05/2008	Nữ
425	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHƯ	8TC2	9TC2	30/12/2008	Nữ
426	NGUYỄN NGỌC TÂM	NHƯ	8.7	9.2	15/09/2008	Nữ
427	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	8.6	9.12	20/07/2008	Nữ
428	NGUYỄN TÂM	NHƯ	8.9	9.3	20/06/2008	Nữ
429	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	8.8	9.4	12/10/2008	Nữ

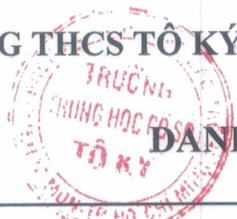
DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
430	PHAN BẢO	NHƯ	8.7	9.5	02/12/2008	Nữ
431	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	8.10	9.6	30/12/2008	Nữ
432	DƯƠNG THỊ TUYẾT	NHUNG	8.13	9.12	13/09/2008	Nữ
433	NGUYỄN QUỲNH	NHUNG	8.15	9.7	31/01/2008	Nữ
434	TRẦN MỸ	NHUNG	8.1	9.8	26/12/2008	Nữ
435	NGUYỄN NHƯ	NHƯỜNG	8.8	9.13	22/02/2008	Nữ
436	TRẦN QUỲNH HOÀI	NI	8.10	9.8	18/12/2008	Nữ
437	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	8.10	9.9	01/02/2008	Nữ
438	HUỖNH TẤN	PHÁT	8.12	9.14	27/05/2008	Nam
439	LÊ NGỌC	PHÁT	8.13	9.11	19/04/2008	Nam
440	LÊ NGỌC ANH	PHÁT	8.14	9.10	24/10/2008	Nam
441	NGUYỄN HUỖNH TẤN	PHÁT	8.1	9.9	01/05/2007	Nam
442	PHẠM NGUYỄN TẤN	PHÁT	8.3	9.10	15/02/2008	Nam
443	TRẦN TIẾN	PHÁT	8.2	9.1	18/04/2008	Nam
444	VŨ TIẾN	PHÁT	8.11	9.2	24/03/2008	Nam
445	VŨ TRẦN GIA	PHÁT	8.11	9.3	18/03/2008	Nam
446	TRẦN MINH	PHI	8.5	9.11	10/01/2008	Nam
447	HUỖNH LÊ THANH	PHONG	8.6	9.12	15/03/2008	Nam
448	LÊ THANH	PHONG	8.13	9.4	09/10/2008	Nam
449	NGUYỄN VĂN	PHONG	8.7	9.13	25/09/2008	Nam
450	TRẦN NGUYỄN THANH	PHONG	8.1	9.5	09/02/2008	Nam
451	TRẦN VŨ MINH	PHONG	8.15	9.15	01/10/2008	Nam
452	NGUYỄN MINH	PHÚ	8.14	9.12	18/04/2008	Nam
453	PHẠM MINH	PHÚ	8.1	9.6	22/06/2008	Nam
454	LÂM HỮU	PHÚC	8.9	9.14	28/11/2008	Nam
455	LÊ HOÀNG THIÊN	PHÚC	8TC1	9TC1	22/03/2008	Nam
456	LÊ HOÀNG TUẤN	PHÚC	8.2	9.7	23/08/2008	Nam
457	LÝ THANH	PHÚC	8.10	9.1	18/10/2008	Nam
458	NGUYỄN BẢO	PHÚC	8.6	9.13	23/06/2008	Nam
459	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	8.3	9.8	27/08/2008	Nam
460	NGUYỄN MINH	PHÚC	8.4	9.14	15/10/2008	Nam
461	TẠ THIÊN	PHÚC	8.5	9.9	21/09/2008	Nam
462	TÔ HOÀNG THIÊN	PHÚC	8.2	9.10	21/09/2008	Nam
463	TRẦN KIM HOÀNG	PHÚC	8.4	9.2	28/12/2008	Nam
464	TRƯƠNG BẢO	PHÚC	8.3	9.1	20/02/2008	Nam
465	VÕ TRỌNG	PHÚC	8.5	9.2	09/05/2008	Nam
466	ĐẶNG BÁ	PHƯỚC	8TC2	9TC2	01/09/2008	Nam
467	ĐẶNG THANH	PHƯỚC	8.6	9.11	19/09/2008	Nam
468	ĐẶNG NGUYỄN HỒNG	PHƯƠNG	8.8	9.12	21/10/2008	Nữ



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
469	LÊ BUI NGỌC	PHƯƠNG	8.15	9.15	17/09/2008	Nữ
470	LÊ VIỆT NAM	PHƯƠNG	8.15	9.15	14/09/2008	Nam
471	LÝ KIM	PHƯƠNG	8TC1	9TC1	18/11/2008	Nữ
472	NGUYỄN HOÀI	PHƯƠNG	8.7	9.3	26/11/2008	Nam
473	NGUYỄN HOÀNG NAM	PHƯƠNG	8.9	9.4	21/03/2008	Nữ
474	NGUYỄN HỒNG	PHƯƠNG	8.15	9.15	25/10/2008	Nữ
475	NGUYỄN QUỲNH	PHƯƠNG	8TC2	9TC2	04/08/2008	Nữ
476	NGUYỄN THỊ MINH	PHƯƠNG	8.7	9.13	22/10/2008	Nữ
477	NGUYỄN TUYẾT	PHƯƠNG	8.10	9.14	24/11/2008	Nữ
478	TRẦN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	8.8	9.1	10/06/2008	Nữ
479	LÊ MINH	QUÂN	8.12	9.3	20/11/2008	Nam
480	NGUYỄN CHÍ	QUÂN	8TC2	9TC2	24/10/2008	Nam
481	NGUYỄN MINH	QUÂN	8.12	9.5	28/05/2008	Nam
482	TẠ MAI MINH	QUÂN	8.11	9.5	21/10/2008	Nam
483	ĐINH NGUYỄN PHƯỚC	QUANG	8.11	9.6	26/09/2008	Nam
484	DƯƠNG NHẬT	QUANG	8.9	9.7	13/08/2008	Nam
485	NGUYỄN NHẬT	QUANG	8.10	9.2	20/05/2008	Nam
486	TRẦN XUÂN	QUẢNG	8.11	9.6	19/08/2008	Nam
487	THÁI MINH	QUI	8.12	9.7	05/07/2008	Nam
488	HUỲNH MINH	QUÝ	8.13	9.3	29/08/2007	Nam
489	NGUYỄN MINH	QUÝ	8.13	9.4	13/02/2008	Nam
490	CAO THỊ TỔ	QUYÊN	8.14	9.8	10/10/2008	Nữ
491	NGUYỄN DƯƠNG GIA	QUYÊN	8.1	9.9	01/07/2008	Nữ
492	NGUYỄN THỊ MỸ	QUYÊN	8.13	9.10	21/12/2008	Nữ
493	BUI TRẦN NHƯ	QUỲNH	8.4	9.11	27/07/2008	Nữ
494	ĐẶNG NHƯ	QUỲNH	8.2	9.12	12/07/2008	Nữ
495	LÊ THỊ DIỄM	QUỲNH	8.4	9.13	16/11/2008	Nữ
496	NGUYỄN KIM	QUỲNH	8.15	9.15	20/07/2008	Nữ
497	TRẦN CAO NHƯ	QUỲNH	8.1	9.14	03/02/2008	Nữ
498	VÕ THỊ TRÚC	QUỲNH	8.3	9.6	06/01/2008	Nữ
499	VÕ THỊ VÂN	QUỲNH	8.14	9.8	27/08/2008	Nữ
500	NGÔ TẤN	SANG	8.2	9.1	10/09/2008	Nam
501	NGUYỄN TUẤN	SANG	8.5	9.2	20/04/2008	Nam
502	PHẠM VĂN	SANG	8.6	9.9	10/11/2008	Nam
503	LÊ NGUYỄN CAO	SƠN	8.2	9.15	06/02/2008	Nam
504	NGUYỄN TRẦN NAM	SƠN	8.1	9.10	24/04/2008	Nam
505	VŨ ĐÌNH	SƠN	8.7	9.3	31/10/2008	Nam
506	HỒ TẤN	TÀI	8.3	9.11	19/01/2008	Nam
507	NGUYỄN HỮU	TÀI	8.9	9.7	07/11/2008	Nam



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
508	NGUYỄN TẤN	TÀI	8.5	9.4	24/12/2008	Nam
509	PHẠM ĐOÀN	TÀI	8.8	9.5	19/08/2008	Nam
510	TRẦN ĐÌNH	TÀI	8.11	9.8	14/11/2008	Nam
511	TÔ KIM	TÂM	8TC2	9TC2	19/09/2008	Nam
512	TRẦN THỊ THANH	TÂM	8.4	9.12	11/12/2008	Nữ
513	VÕ NHẤT	TÂM	8.6	9.6	19/04/2008	Nam
514	PHAN MINH	TÂN	8.12	9.7	17/11/2007	Nam
515	VÕ NGỌC QUỐC	THÁI	8.1	9.9	13/01/2008	Nam
516	LÃ THỊ HỒNG	THẨM	8.6	9.8	11/12/2008	Nữ
517	ĐÌNH GIA	THẮNG	8.7	9.9	17/06/2008	Nam
518	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG	8.9	9.10	08/02/2008	Nam
519	NGUYỄN QUANG	THẮNG	8.3	9.14	22/10/2007	Nam
520	TRẦN VĂN	THẮNG	8.4	9.10	17/09/2007	Nam
521	TRƯƠNG MINH	THẮNG	8.8	9.11	17/06/2008	Nam
522	PHẠM MINH	THANH	8.2	9.11	01/10/2008	Nam
523	VŨ MINH	THÀNH	8.1	9.12	07/06/2008	Nam
524	PHẠM THỊ	THAO	8.7	9.13	02/02/2007	Nữ
525	HUỖNH THANH	THẢO	8.5	9.12	02/11/2008	Nữ
526	MAI LÊ NGUYỄN	THẢO	8TC1	9TC1	15/04/2008	Nữ
527	NGÔ THỊ PHƯƠNG	THẢO	8.3	9.13	26/08/2008	Nữ
528	NGUYỄN NGỌC	THẢO	8.4	9.14	30/04/2008	Nữ
529	NGUYỄN THỊ LAN	THẢO	8.15	9.15	29/07/2008	Nữ
530	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	8.2	9.13	16/12/2008	Nữ
531	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	8.15	9.15	04/03/2008	Nữ
532	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	8.14	9.14	06/07/2008	Nữ
533	TRẦN THỊ THANH	THẢO	8.1	9.1	17/02/2008	Nữ
534	BÙI NGỌC NHƯ	THI	8.2	9.1	30/07/2008	Nữ
535	LÂM BẢO	THI	8.10	9.2	06/12/2008	Nữ
536	LÊ HẢI	THIÊN	8.3	9.3	04/11/2008	Nam
537	NGUYỄN ĐẶNG ƠN	THIÊN	8.11	9.2	09/12/2008	Nam
538	TRỊNH MINH	THIỆN	8.4	9.4	21/12/2008	Nam
539	NGUYỄN HOÀNG	THỊNH	8.6	9.14	02/09/2008	Nam
540	NGUYỄN PHƯỚC	THỊNH	8.13	9.3	21/11/2008	Nam
541	TRƯƠNG GIA	THỊNH	8.5	9.1	14/09/2008	Nam
542	VI NGUYỄN HẢI	THỊNH	8.12	9.2	09/11/2008	Nam
543	ĐỖ HOÀNG	THÔNG	8.7	9.3	03/02/2008	Nam
544	HUỖNH QUỐC	THỐNG	8.4	9.3	01/08/2008	Nam
545	HOÀNG PHƯƠNG	THU	8.5	9.5	24/02/2008	Nữ
546	NGUYỄN HUỖNH HỒNG	THU	8.14	9.4	30/11/2008	Nữ



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
547	PHẠM NGUYỄN	THỦ	8.9	9.4	25/02/2008	Nam
548	BUI MINH	THỦ	8.11	9.5	16/01/2008	Nữ
549	ĐÀM NGUYỄN THANH	THỦ	8.6	9.5	20/08/2008	Nữ
550	ĐẶNG THỊ NGỌC	THỦ	8TC1	9TC1	21/03/2008	Nữ
551	ĐÌNH NGUYỄN MINH	THỦ	8TC1	9TC1	08/02/2008	Nữ
552	LÊ ANH	THỦ	8.9	9.6	02/02/2008	Nữ
553	LÊ NGỌC ANH	THỦ	8.7	9.6	09/03/2008	Nữ
554	LUYỆN VŨ ANH	THỦ	8.5	9.7	08/12/2008	Nữ
555	NGUYỄN ANH	THỦ	8.10	9.15	29/12/2008	Nữ
556	NGUYỄN HÀ ANH	THỦ	8.1	9.6	24/03/2008	Nữ
557	NGUYỄN HỒNG ANH	THỦ	8.4	9.9	18/03/2008	Nữ
558	NGUYỄN MINH	THỦ	8.11	9.7	09/02/2008	Nữ
559	NGUYỄN MINH	THỦ	8.8	9.8	19/06/2008	Nữ
560	NGUYỄN PHẠM MINH	THỦ	8.7	9.10	09/04/2008	Nữ
561	NGUYỄN PHAN ANH	THỦ	8.1	9.7	11/08/2008	Nữ
562	NGUYỄN PHAN MINH	THỦ	8.2	9.8	05/05/2008	Nữ
563	NGUYỄN PHƯỚC HIỀN	THỦ	8.12	9.9	24/02/2008	Nữ
564	NGUYỄN THỊ ANH	THỦ	8.15	9.9	01/02/2008	Nữ
565	NGUYỄN THỊ MINH	THỦ	8.13	9.10	03/11/2008	Nữ
566	NGUYỄN VŨ UYÊN	THỦ	8TC2	9TC2	15/02/2008	Nữ
567	PHAN ANH	THỦ	8TC1	9TC1	18/04/2008	Nữ
568	TRẦN THỊ ANH	THỦ	8TC2	9TC2	11/05/2008	Nữ
569	TRẦN VŨ ANH	THỦ	8.8	9.10	18/03/2008	Nữ
570	VŨ TRÍ	THỨC	8TC1	9TC1	21/03/2008	Nam
571	MAI LÊ HOÀI	THƯỜNG	8.12	9.11	13/02/2008	Nữ
572	NGÔ HOÀI	THƯỜNG	8.9	9.11	21/03/2008	Nữ
573	LÙNG PHƯƠNG	THÚY	8.6	9.12	16/08/2008	Nữ
574	NGUYỄN THU THANH	THÚY	8.10	9.11	13/11/2008	Nữ
575	VĂN THỊ NGỌC	THÙY	8TC1	9TC1	08/07/2008	Nữ
576	HUỲNH BẢO	THY	8.11	9.12	31/12/2008	Nữ
577	LÊ NGỌC YẾN	THY	8.14	9.13	06/06/2008	Nữ
578	LÊ THUY BẢO	THY	8.15	9.15	13/02/2008	Nữ
579	MAI NGUYỄN BẢO	THY	8.13	9.13	24/10/2008	Nữ
580	NGUYỄN HUỲNH BẢO	THY	8.10	9.14	23/11/2008	Nữ
581	LÊ THỊ CẨM	TIỀN	8.7	9.12	19/07/2008	Nữ
582	NGÔ THANH CẨM	TIỀN	8.5	9.1	07/05/2008	Nữ
583	ĐỖ ANH	TIỀN	8.8	9.13	08/11/2006	Nam
584	NGUYỄN HỮU	TIỀN	8.13	9.2	19/03/2008	Nam
585	ĐỖ CAO TRÍ	TÍN	8.10	9.3	14/04/2008	Nam



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
586	NGUYỄN TRÍ	TÍN	8.6	9.14	24/09/2008	Nam
587	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	8.1	9.4	03/02/2008	Nam
588	NGUYỄN HỮU	TOÀN	8TC2	9TC2	01/11/2008	Nam
589	NGUYỄN LÊ ĐÌNH	TOÀN	8.2	9.14	12/11/2008	Nam
590	NGUYỄN VĂN	TOÀN	8.9	9.1	16/11/2008	Nam
591	PHẠM ĐỨC	TOÀN	8.14	9.2	18/09/2008	Nam
592	PHAN LONG	TOÀN	8.10	9.5	09/03/2008	Nam
593	TRẦN VĂN	TRÀ	8.12	9.6	04/03/2008	Nam
594	DIỆP BẢO	TRÂM	8.3	9.7	16/09/2008	Nữ
595	HỒ NGỌC BẢO	TRÂM	8.2	9.1	16/04/2008	Nữ
596	HUỖNH MAI	TRÂM	8.15	9.15	16/04/2008	Nữ
597	HUỖNH NGỌC	TRÂM	8.4	9.8	29/11/2008	Nữ
598	LÊ PHẠM QUỲNH	TRÂM	8TC2	9TC2	17/01/2008	Nữ
599	NGUYỄN BẢO	TRÂM	8.3	9.2	23/12/2008	Nữ
600	NGUYỄN DIỆP HUYỀN	TRÂM	8TC1	9TC1	11/08/2008	Nữ
601	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	TRÂM	8.11	9.3	18/03/2008	Nữ
602	NGUYỄN THUY	TRÂM	8.4	9.9	02/11/2008	Nữ
603	PHẠM THỊ HỒNG	TRÂM	8.5	9.3	09/01/2008	Nữ
604	TRẦN NGỌC BẢO	TRÂM	8.6	9.4	08/11/2008	Nữ
605	TRẦN NGUYỄN HUẾ	TRÂM	8.5	9.5	22/12/2008	Nữ
606	CHÂU ĐOÀN Y	TRÂN	8.7	9.6	11/11/2008	Nữ
607	LÊ THỊ BẢO	TRÂN	8.13	9.4	07/01/2007	Nữ
608	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	8.14	9.5	06/06/2008	Nữ
609	PHAN TRẦN BẢO	TRÂN	8.8	9.7	22/11/2008	Nữ
610	HUỖNH THỊ THUY	TRANG	8.14	9.6	24/04/2008	Nữ
611	NGUYỄN VÕ THANH	TRANG	8.1	9.10	17/01/2008	Nữ
612	TÔ LÊ BẢO PHƯƠNG	TRANG	8.13	9.7	04/08/2008	Nữ
613	VŨ THỊ QUỲNH	TRANG	8.1	9.8	25/10/2008	Nữ
614	NGUYỄN HỮU VĂN	TRÍ	8.10	9.9	24/02/2008	Nam
615	NGUYỄN QUANG	TRÍ	8.9	9.11	23/08/2008	Nam
616	LÊ MINH	TRIẾT	8.15	9.15	27/03/2008	Nam
617	LÊ NGUYỄN THỰC	TRINH	8.6	9.10	06/01/2008	Nữ
618	NGÔ PHƯƠNG	TRINH	8.11	9.11	26/08/2008	Nữ
619	NGUYỄN HOÀNG	TRINH	8.12	9.8	02/02/2008	Nữ
620	TRẦN THỊ PHƯƠNG	TRINH	8TC2	9TC2	07/11/2008	Nữ
621	DƯƠNG QUỐC	TRỌNG	8.13	9.12	16/05/2008	Nam
622	PHẠM THÀNH PHƯỚC	TRỌNG	8.7	9.12	12/06/2008	Nam
623	HUỖNH THỤY THANH	TRÚC	8.10	9.13	30/09/2008	Nữ
624	NGUYỄN PHẠM THANH	TRÚC	8.1	9.13	30/10/2008	Nữ

DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
625	PHAN THỊ THANH	TRÚC	8.9	9.9	23/08/2008	Nữ
626	TRẦN NGUYỄN THANH	TRÚC	8.11	9.14	22/01/2008	Nữ
627	TRẦN THANH	TRÚC	8.8	9.1	05/11/2008	Nữ
628	DƯƠNG ĐỖ TRÍ	TRUNG	8.4	9.13	12/12/2008	Nam
629	NGUYỄN DUY	TRUNG	8.1	9.14	06/10/2008	Nam
630	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRUNG	8.14	9.1	03/04/2008	Nam
631	NGUYỄN TẤN	TRUNG	8.2	9.2	19/05/2008	Nam
632	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	8.12	9.10	25/07/2008	Nam
633	NGUYỄN TRỌNG	TRUNG	8.13	9.3	31/01/2008	Nam
634	PHẠM CÔNG	TRUNG	8.3	9.11	14/02/2008	Nam
635	VŨ THÀNH	TRUNG	8.14	9.4	24/01/2008	Nam
636	CHÂU NHẬT HUY	TRƯỜNG	8.2	9.5	05/12/2008	Nam
637	NGÔ LAM	TRƯỜNG	8.1	9.6	21/11/2008	Nam
638	NGUYỄN QUỐC	TRƯỜNG	8.3	9.7	16/03/2008	Nam
639	LÊ MINH	TÚ	8.11	9.12	07/04/2008	Nam
640	LÊ THỊ ANH	TÚ	8.7	9.2	13/07/2008	Nữ
641	NGUYỄN NGỌC TUẤN	TÚ	8.3	9.3	17/12/2008	Nam
642	TRƯƠNG TRẦN CÔNG	TÚ	8.2	9.8	06/12/2008	Nam
643	HOÀNG ANH	TUẤN	8.4	9.9	05/01/2008	Nam
644	LÊ ANH	TUẤN	8.5	9.10	25/03/2008	Nam
645	NGUYỄN ANH	TUẤN	8.8	9.4	10/08/2008	Nam
646	NGUYỄN ANH	TUẤN	8.9	9.5	21/03/2008	Nam
647	NGUYỄN ANH	TUẤN	8.8	9.11	06/08/2008	Nam
648	NGUYỄN ĐÌNH ANH	TUẤN	8.12	9.13	07/05/2007	Nam
649	NGUYỄN ĐỨC ANH	TUẤN	8.13	9.12	27/08/2008	Nam
650	NGUYỄN MINH	TUẤN	8.10	9.6	10/07/2008	Nam
651	NGUYỄN THANH	TUẤN	8.6	9.7	28/11/2008	Nam
652	TRẦN HÀ THIÊN	TUẤN	8.9	9.13	17/02/2008	Nam
653	TRẦN QUỐC	TUẤN	8.7	9.14	22/06/2008	Nam
654	LÊ MINH	TÙNG	8.14	9.14	29/01/2008	Nam
655	LƯU CÁT	TƯỜNG	8.13	9.8	15/05/2008	Nữ
656	NGÔ TRẦN KIM	TUYỀN	8.10	9.9	27/06/2008	Nữ
657	TRẦN KHẮC	TUYỀN	8.2	9.10	17/01/2008	Nam
658	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	8.12	9.1	18/02/2008	Nữ
659	LÊ MINH	TUYẾT	8.11	9.11	23/09/2008	Nữ
660	PHẠM THỊ ÁNH	TUYẾT	8.12	9.12	30/11/2008	Nữ
661	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	8.4	9.2	15/06/2008	Nữ
662	LÊ PHƯƠNG	UYÊN	8.5	9.3	01/06/2008	Nữ
663	LÊ THUY MINH	UYÊN	8.3	9.13	13/02/2008	Nữ



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
664	NGUYỄN HỒNG NHÃ	UYÊN	8.2	9.14	25/02/2008	Nữ
665	HÀ KIỀU	VÂN	8.6	9.1	08/08/2008	Nữ
666	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	8.5	9.1	03/10/2008	Nữ
667	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	8.8	9.4	17/02/2008	Nữ
668	TRẦN NGỌC	VĂN	8.4	9.2	20/09/2008	Nam
669	VÕ ĐÌNH	VĂN	8.7	9.5	18/02/2008	Nam
670	VŨ SỸ	VĂN	8.5	9.2	24/10/2008	Nam
671	LA HOÀNG NGỌC	VÀNG	8TC1	9TC1	01/04/2008	Nam
672	LÊ HOÀNG THẢO	VI	8.10	9.3	02/10/2008	Nữ
673	LU VÂN	VI	8.6	9.4	30/08/2008	Nữ
674	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VI	8.7	9.5	15/02/2008	Nữ
675	NGUYỄN PHẠM TRÚC	VI	8.1	9.6	30/10/2008	Nữ
676	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	8.9	9.7	12/07/2008	Nữ
677	GIANG CHÍ	VĨ	8.11	9.8	26/09/2008	Nam
678	TRẦN TRÍ	VIỄN	8.8	9.6	13/10/2008	Nam
679	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	8.12	9.3	03/12/2008	Nam
680	LÊ NGUYỄN PHÚ	VINH	8.10	9.7	24/03/2008	Nam
681	NGUYỄN QUỐC	VINH	8.9	9.8	30/01/2008	Nam
682	PHẠM TRẦN THỂ	VINH	8.9	9.4	12/03/2008	Nam
683	PHẠM PHƯƠNG	VĨNH	8TC1	9TC1	02/07/2008	Nữ
684	NGUYỄN SONG ANH	VŨ	8TC2	9TC2	06/12/2008	Nam
685	TRẦN ĐÌNH	VŨ	8.14	9.9	13/05/2008	Nam
686	TRẦN HOÀNG ANH	VŨ	8.13	9.10	02/08/2008	Nam
687	TRẦN PHONG	VŨ	8.12	9.9	06/07/2008	Nam
688	TRẦN VĂN ANH	VŨ	8.11	9.11	07/08/2008	Nam
689	VÕ TRẦN LONG	VŨ	8.14	9.6	14/10/2008	Nam
690	NGUYỄN DẠ	VUI	8.1	9.12	05/10/2008	Nữ
691	NGUYỄN DUY	VUÔNG	8TC1	9TC1	09/06/2008	Nam
692	BÙI NGỌC LAN	VY	8.3	9.10	22/12/2006	Nữ
693	BÙI NGỌC PHƯƠNG	VY	8.6	9.13	12/02/2008	Nữ
694	CAI GIA TƯỜNG	VY	8.2	9.11	09/04/2008	Nữ
695	CAO HUỲNH YẾN	VY	8.15	9.15	30/08/2008	Nữ
696	CHÂU THỊ THANH	VY	8TC1	9TC1	28/08/2008	Nữ
697	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	VY	8TC1	9TC1	30/11/2008	Nữ
698	HOÀNG DIỆU	VY	8.9	9.14	12/05/2008	Nữ
699	HUỲNH THỊ THÚY	VY	8.2	9.1	03/10/2008	Nữ
700	HUỲNH THỊ TƯỜNG	VY	8.12	9.2	18/11/2008	Nữ
701	LÊ HÀ	VY	8.8	9.3	15/02/2008	Nữ
702	LÊ NGUYỄN HÀ	VY	8.11	9.4	20/02/2008	Nữ

TRƯỜNG THCS TÔ KÝ



DANH SÁCH KHỐI 9 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ tên	Tên	Lớp cũ	Lớp mới	Ngày sinh	Giới tính
703	LÊ NHỰT PHƯƠNG	VY	8.3	9.12	14/07/2008	Nữ
704	LÊ THỊ KHÁNH	VY	8.4	9.13	30/01/2008	Nữ
705	LÊ VÕ NHẬT	VY	8.15	9.15	01/10/2008	Nữ
706	LÝ TIÊU	VY	8.7	9.14	15/11/2008	Nữ
707	NGUYỄN LÂM THỊ THÚY	VY	8.7	9.1	06/05/2008	Nữ
708	NGUYỄN NGỌC	VY	8.6	9.6	15/12/2008	Nữ
709	NGUYỄN NGỌC KIỀU	VY	8.8	9.2	19/02/2008	Nữ
710	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	8.3	9.5	21/10/2008	Nữ
711	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	8.15	9.15	10/01/2008	Nữ
712	NGUYỄN NGỌC THẢO	VY	8.15	9.15	21/10/2008	Nữ
713	NGUYỄN THỊ THẢO	VY	8.10	9.7	23/03/2008	Nữ
714	PHẠM NGÔ TƯỜNG	VY	8.5	9.7	30/09/2008	Nữ
715	PHẠM THUY KHÁNH	VY	8TC2	9TC2	16/05/2008	Nữ
716	TRẦN GIAI	VY	8.5	9.8	29/09/2008	Nữ
717	TRẦN HÀ TƯỜNG	VY	8.1	9.3	05/07/2008	Nữ
718	TRẦN NGUYỄN THẢO	VY	8.4	9.4	28/10/2008	Nữ
719	TRỊNH NGỌC PHƯƠNG	VY	8.13	9.5	06/12/2008	Nữ
720	BUI HUYNH TẤN	VỸ	8.15	9.15	26/02/2008	Nam
721	ĐẶNG NGỌC NHƯ	Ý	8.13	9.10	27/10/2008	Nữ
722	HOÀNG THỊ NHƯ	Ý	8.15	9.15	28/01/2008	Nữ
723	NGUYỄN NHƯ	Ý	8TC1	9TC1	06/08/2008	Nữ
724	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	8.9	9.8	10/12/2008	Nữ
725	TRẦN NGỌC NHƯ	Ý	8.1	9.9	12/08/2008	Nữ
726	LÊ NGUYỄN HẢI	YÊN	8.12	9.6	12/08/2008	Nữ
727	NGUYỄN HẢI	YÊN	8.8	9.10	18/05/2007	Nữ
728	NGUYỄN HOÀNG HẢI	YÊN	8.11	9.11	09/12/2008	Nữ
729	TRẦN HẢI	YÊN	8.14	9.11	15/02/2008	Nữ
730	TRẦN THỊ HẢI	YÊN	8.10	9.7	31/03/2008	Nữ
731	VÕ KIM	YÊN	8.1	9.12	02/01/2008	Nữ
732	VÕ PHẠM	NGUYỄN	CD	9.5	15/07/2008	Nam
733	NGUYỄN VIỆT	ANH	CD	9.6	22/10/2008	Nam
734	NGÔ THIÊN	NGÂN	CD	9.8	26/06/2008	Nữ
735	VŨ MINH	SƠN	CD	9.9	18/06/2008	Nam
736	NGUYỄN MINH	SANG	HL (9.11)	9.13		Nam